

Vụ đột kích Sơn Tây: một sự nghịch lý tình báo

Sharon A. Maneki Center for Cryptologic History, National Security Agency

Ngô Bắc dịch

2017

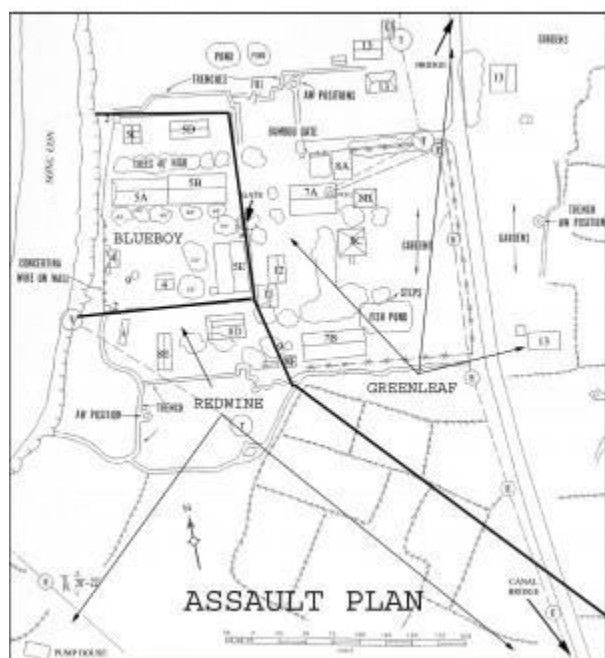


“Barbara” là mặt hiệu của một mô hình đúng theo kích thước của trại giam Sơn Tây được xây dựng bởi Cơ Quan Tình Báo Hoa Kỳ và được sử dụng để huấn luyện lực lượng tấn kích Sơn Tây tại Căn Cứ Không Quân Eglin, Tiểu Bang Florida

Vụ đột kích Sơn Tây hồi Tháng Mười Một 1970 trong Chiến Tranh Việt Nam đã là một trong các mưu toan giải cứu can đảm và táo bạo nhất trong lịch sử. Mặc dù nó đã xảy ra hơn 35 năm trước đây, nó vẫn còn là một đề tài

được chú ý và gây tranh cãi. Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ đã xâm nhập sâu vào trong lãnh thổ địch, chỉ cách Hà Nội 23 dặm Anh (mile) về hướng tây bắc, nhằm mang về nước khoảng 55 đồng bào của họ đang bị bắt giữ làm tù binh chiến tranh (prisoners of war: POW).

Bất kỳ sự tiến quân nào vào lãnh thổ địch đều nguy hiểm – phòng vệ thủ đô luôn luôn là một ưu tiên cao nhất cho một quốc gia, và các lực lượng phòng thủ thiện chiến nhất ứng trực để bảo vệ thủ đô. Vì thế, phái đoàn quân đến quá gần Hà Nội thì cực kỳ hiểm nghèo. Trong cuộc chiến, quân Bắc Việt được chứng tỏ là các kẻ chiến đấu ngoan cường với một quyết tâm mạnh mẽ hầu giành đạt được mục đích của họ bất kể cuộc chiến kéo dài bao lâu hay họ phải gánh chịu các tổn thất nhiều đến đâu.



Kế Hoạch Tấn Công Trại Giam Sơn Tây

Mặc dù trại giam tù binh chiến tranh POW Sơn Tây phần nào biệt lập bởi vị trí của nó trên bờ một chi nhánh của sông Hồng, vẫn có các mối nguy hiểm phụ trội. Một thị trấn gần trại giam tiếp nhận một số cơ sở và thiết bị quân sự, chẳng hạn như các toán quân truyền tin và các trường huấn luyện phòng không. Ngoài ra, có hàng nghìn nhân viên quân sự Bắc Việt tại khu vực này. Mỗi nguy hiểm nhiên về sự tấn công của địch không phải là hiểm họa duy nhất mà quân Mỹ phải đối diện. Nội việc đáp an toàn xuống trại giam đã là một thách đố bởi có các hàng rào và diên tích nhỏ hẹp. Các cây to lớn, ba tháp canh gác, và một bức tường cao bảy bộ Anh (feet)

bao quanh trại giam. Khoảng cách giữa các bức tường phía bắc tới phía nam chỉ dài 185 bộ Anh. Khoảng cách giữa các bức tường phía đông sang tây chỉ có 132 bộ Anh. 1

Bài viết này sẽ khảo sát vai trò của Tình Báo Các Tín Hiệu (Signals Intelligence: SIGINT) trong cuộc đột kích Sơn Tây. Nghịch lý của vụ Sơn Tây rằng việc hoạch định và thi hành chính xác cuộc đột kích tạo ấn tượng lớn nhất. Song, cuộc đột kích vẫn còn gây tranh cãi bởi nó liên can đến một trong các sự thất bại tình báo to lớn trong suốt Cuộc Chiến Tranh Việt Nam. Ngoài vai trò của SIGINT, các câu hỏi khác sẽ được khảo sát trong bài viết này là: Đây là các khía cạnh thành công của cuộc đột kích? Tại sao một sự thất bại như thế đã xảy ra? Liệu đã có quá nhiều sự phân cách bao quanh nhiệm vụ này hay không? Liệu Bắc Việt đã có sự hay biết trước về cuộc đột kích Sơn Tây hay không?

Trong năm 1970, khi vụ đột kích Sơn Tây được hoạch định và thi hành, sự ủng hộ của Mỹ cho Chiến Tranh Việt Nam đang tàn lụi. Ngay các nhân vật bảo thủ, chẳng hạn như Thượng Nghị Sĩ Barry Goldwater (Đảng Cộng Hòa, Tiểu Bang Arizona), các kẻ đã ủng hộ chiến tranh nay đang thối nản vì nó. Như Goldwater, kẻ phẫn nộ về các quy tắc giao chiến bị hạn chế, đã giải thích: “Nếu chúng ta không đi đến cả việc cố gắng để chiến thắng thứ chết tiệt đó, khi đó hãy thoát ra khỏi đó. Các con người hữu ích đang chết một cách vô ích. 2

Tiến trình triệt thoái các binh sĩ Mỹ cũng đã được tiến hành trong năm 1970. Để chống đỡ cho sự triệt thoái các binh sĩ Mỹ, Tổng Thống Nixon đã chấp thuận một cuộc xâm nhập vào Campuchia. Cuộc xâm nhập, khởi sự hôm 1 Tháng Năm 1970, được giả định nhằm ngăn trở luồng nhân sự và tiếp liệu vào Nam Việt Nam từ Bắc Việt. Mặc dù phía Hoa Kỳ đã tịch thu được một khối lượng khổng lồ về vật liệu, Bắc Việt vẫn tiếp tục sử dụng Đường Mòn Hồ Chí Minh để chống đỡ cho nỗ lực chiến tranh của nó tại Nam Việt Nam.

Các cuộc hòa đàm ở Paris, khởi sự từ ngày 13 Tháng Năm 1968, nhưng kết quả chỉ có sự tiến bộ nhỏ. Thí dụ, suốt năm 1968, các nhà thương thuyết đã không làm gì ngoài việc tranh luận về hình dạng và kích thước của chiếc bàn thương nghị. Vào năm 1970, các cuộc hòa đàm vẫn còn dậm chân nơi các sự tranh luận về thủ tục. Với sự triệt thoái của binh sĩ Mỹ và thời gian nằm bên phía họ, Bắc Việt đã không có lý do để nhượng bộ các đòi hỏi của Mỹ về sự từ bỏ lãnh thổ hay chấp nhận chế độ Nam Việt Nam. 3 Một mối thất vọng khác cho Hoa Kỳ là vì Bắc Việt còn giam giữ các người Mỹ làm tù binh chiến tranh. Trong năm 1970, có vào khoảng 630 Tù Binh Chiến Tranh (POW). Nếu sự phóng thích các tù binh này không thể được thương thảo, một quyền lực quân sự hùng mạnh chẳng hạn như Hoa Kỳ buộc có thể phải có hành động.

Trong Tháng Tư 1970, Phi Đội Hoạt Động Đặc Biệt Thứ 1127, Bộ Chỉ Huy, Không Lực Hoa Kỳ, có nhận được tin tức tình báo cho hay Bắc Việt giam giữ các tù binh Hoa Kỳ tại ngoại ô thành phố Sơn Tây, Bắc Việt. Phó Giám Đốc Kế Hoạch và Chính Sách Không Lực, James R. Allen, nêu đề nghị về một nỗ lực giải cứu với Chuẩn Tướng Donald D. Blackburn. Blackburn, phụ tá đặc biệt về chống phiến loạn và các hoạt động đặc biệt, đã thuyết trình trước Bộ Tham Mưu Liên Quân: BTMLQ (Joints Chiefs of Staff: JCS) hôm 5 Tháng Sáu và đề nghị rằng các nhân viên hoạch định tham mưu không quân khảo sát khả tính về việc liệu các TBCT Mỹ có thể được giải cứu ra khỏi Sơn Tây hay không. Mặc dù tính khả thi của việc giải cứu các tù binh khỏi vài trại giam đã được nghiên cứu, chỉ có trại Sơn Tây được tuyển chọn bởi có nhiều tin tức tình báo được cung ứng về vị trí này hơn là các trại khác. Sau một số nghiên cứu sơ khởi bởi một toán nhỏ gồm các đại diện của mọi ngành và Cơ Quan Tình Báo Quốc Phòng (Defense Intelligence Agency), Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird và BTMLQ đã chấp thuận ý niệm và ra lệnh thành lập một Nhóm Đặc Nhiệm Tình Trạng Bất Ngờ hỗn hợp.

Nhóm Đặc Nhiệm phụ trách việc khai triển các kế hoạch hành quân chi tiết và tổ chức cũng như huấn luyện nhân viên thực hiện việc giải cứu. Nó được kích hoạt vào ngày 8 Tháng Tám 1970. Tư Lệnh Lực Lượng Các Hoạt Động Đặc Biệt Không Lực Hoa Kỳ tại Căn Cứ Không Quân Eglin thuộc tiểu bang Florida, Chuẩn Tướng Leroy J. Manor, trở thành tư lệnh của nhóm này. Đại Tá Arthur D. Simons, Lục Quân Hoa Kỳ, thuộc Quân Đoàn Nhảy Dù 18 tại trại Fort Braggs, tiểu bang North Carolina, là phó tư lệnh. Phi hành đoàn và các lực lượng diện địa được tuyển chọn và túc trực tại Eglin vào ngày 6 Tháng Chín. Việc hoạch định và huấn luyện phải diễn ra đồng thời bởi hạn kỳ thì ngắn. Nhóm Đặc Nhiệm đề nghị rằng công tác diễn ra vào ngày 21 Tháng Mười, với một nhật kỳ dự khuyết là ngày 21 Tháng Mười Một. Khái niệm chiến thuật được chấp thuận bởi BTMLQ và bộ trưởng quốc phòng trong Tháng Chín. Vào ngày 8 Tháng Mười, Nhóm Đặc Nhiệm đã thuyết trình trước Tiến Sĩ Henry Kissinger, cố vấn an ninh quốc gia của Tổng Thống Nixon. Tổng Thống chấp thuận kế hoạch nhưng đã triển hoãn sự thi hành nó cho đến Tháng Mười Một. 4

SIGINT đã không được gia nhập vào việc lập kế hoạch cho đến 10 Tháng Tám 1970, khi BTMLQ yêu cầu Tư Lệnh Thái Bình Dương (Commander-in-Chief Pacific: CINPAC) chỉ định một đại diện của SIGINT vào Nhóm Đặc Nhiệm. Vị trưởng Nhóm Trợ Giúp SIGINT cho Cơ Sở Phân Tích Phòng Không của Không Lực Thái Bình Dương (Pacific Air Force's Air Defense Analysis Facility) tại Hawaii được chỉ định vào ban tham mưu của Manor. Vào ngày 26 Tháng Tám 1970, giám đốc Cơ Quan An Ninh Quốc Gia (CQANQG - National Security Agency: NSA), Đô Đốc Noel Gayler, đã đặt bí danh "Adrenaline" cho dự án với đại diện trực tiếp của ông trong Nhóm Đặc Nhiệm. Vị đại diện này (danh tính vẫn còn được giữ bí mật cho đến nay) đã tập hợp một mạng lưới phức tạp và phân cách của các tổ thu thập, phân tích, và báo cáo. An ninh là quan tâm tối thượng trong đầu óc các người lập kế

hoạch. Đại diện CQANQG của Gayler giữ các chi tiết về công tác, phân cách với các nhân viên phân tích các năng lực phòng không của Bắc Việt.

SIGINT (Tình Báo Dâu Hiệu) đã đóng một vai trò đáng kể cả trong việc hoạch định lẫn thực hiện cuộc đột kích Sơn Tây. Nhóm Đặc Nhiệm đã hy vọng rằng SIGINT có thể cung cấp tin tức về hệ thống phòng không của Bắc Việt hầu sẽ xác định các tuyến đường xâm nhập và rút lui tốt nhất và ít phòng vệ nhất cho máy bay tấn công. Một sự phác họa phức tạp về các phản ứng và các năng lực khả hữu của Bắc Việt đã được soạn thảo. Tình Báo Truyền Tin (Communications Intelligence: COMINT) và Tình Báo Điện Tử (Electronic Intelligence: ELINT) đã cung cấp các tin tức về sự chỉ huy và kiểm soát, các thời gian phản ứng của các hỏa tiễn địa-đối-không và các đơn vị pháo binh phòng không, các thời gian báo cáo và sự chính xác của radar và các mạng lưới quan sát hay chấm định, và vị trí và tình trạng của các máy bay MiGs. Vị trí và các hoạt động của các phi công máy bay MiG có khả năng bay đêm là một loại tin tức trọng yếu khác mà Nhóm Đặc Nhiệm nhận được từ SIGINT.

Một yêu cầu SIGINT trọng yếu nữa cho Nhóm Đặc Nhiệm là nhu cầu báo cáo đặc biệt về tình trạng khí tượng địa phương trên các đường bay này, và các tin tức về các sự thay đổi có thể ảnh hưởng đến công tác. Vùng chung quanh Sơn Tây nổi tiếng có sương mù ở độ thấp, hơi nước và mưa trong Tháng Mười Một, thời điểm đề nghị cho cuộc đột kích. 5

Suốt Tháng Tám và hầu hết Tháng Chín, Giám Đốc Cơ Quan An Ninh Quốc Gia (NSA), Đô Đốc Gayler, đại diện của ông tại Nhóm Đặc Nhiệm, và đại diện Cơ Quan NSA tại Bộ Quốc Phòng, Milton Zaslow (danh tính của Gayler và Zaslow được sử dụng bởi họ đã sẵn là các nhân vật được công chúng biết đến) là các người duy nhất tại NSA biết đến cuộc đột kích Sơn Tây. Gayler và Zaslow đã quyết định phái thêm nhiều nhân viên vào hoạt động này bởi họ cảm thấy rằng đại diện của NSA tại Nhóm Đặc Nhiệm đã không có sự tiếp cận đến mọi tin tức mà người đó có thể cần đến. Họ thông báo có năm nhân viên cao cấp bổ túc, là các người sắp xếp cho các phân tích viên NSA thực hiện các cuộc nghiên cứu hơn nữa về hệ thống phòng không của Bắc Việt. Cũng giống như các phân tích viên dưới quyền vị đại diện NSA tại Nhóm Đặc Nhiệm, các phân tích viên tại Bộ Chỉ Huy NSA thực hiện các cuộc nghiên cứu khác nhau đã không được cho hay về lý do thực sự cho các cuộc nghiên cứu này. 6

Thu thập tin tức không phải là mối quan tâm duy nhất cho các nhà hoạch định SIGINT. Một sự cứu xét quan trọng khác đối với phía Mỹ là không vô tình tiết lộ cho phía Bắc Việt qua việc thực hiện bất kỳ khuôn mẫu hoạt động bất thường nào. Thí dụ, các phi vụ RC-135 thuộc chương trình thám thính thu thập tin tức bằng máy bay, được gọi là Combat Apple (Trái Táo Chiến Đấu), được sắp đặt để trợ giúp Nhóm Đặc Nhiệm, sẽ phải làm việc

vào buổi tối trên Vịnh Bắc Việt, một thời khoảng mà các chuyến bay SIGINT hoàn toàn chưa bao giờ phi hành. Đại diện Nhóm Đặc Nhiệm đã giải quyết vấn đề này bằng việc dàn xếp với Bộ Chỉ Huy Không Quân Chiến Lược (Strategic Air Command: SAC) thiết lập một phác đồ phi hành như thế trong các tuần lễ trước khi dẫn đến công tác sao cho Bắc Việt sẽ nhận thức các phi vụ này là bình thường.

Khi thời điểm chỉ định đến gần, đại diện [NSA] trong Nhóm Đặc Nhiệm đề xuất các kế hoạch cho các hoạt động của SIGINT trong suốt phi vụ. Năm ngày trước cuộc đột kích, ông ta bay đến Đà Nẵng, nơi là tổng hành dinh của ông cho cuộc hành quân. Một ngày trước khi thực hiện nhiệm vụ, các viên chức NSA đã sắp xếp một tin nhắn sẽ được gửi đến mọi địa điểm để theo dõi các hoạt động trên không phận Bắc Việt – mà không tiết lộ bản chất của phi vụ. 7

Thời biểu của cuộc hành quân được di chuyển sớm hơn một ngày bởi có sự tiến đến của Trận Bão Patsy từ phía tây. Bão Patsy đã sẵn đổ xuống Phi Luật Tân hôm 19 Tháng Mười Một và đe dọa Biển Nam Trung Hoa và vùng Vịnh Bắc Việt. Sự đến nơi của trận bão có thể ảnh hưởng đến thời tiết trên đường xâm nhập của máy bay chở nhóm biệt kích. Đường xâm nhập khởi hành từ Takhli, Thái Lan, ngang qua Lào và dọc theo phần phía tây của Bắc Việt. Bầu trời quang đãng thì cần thiết cho việc tái tiếp tế nhiên liệu trên đường xâm nhập, và đã có nhu cầu trăng sáng cho lực lượng tấn công một khi họ công kích trại giam POW. Ngoài ra, nếu biển quá biến động, cuộc không kích đánh lạc hướng của Hải Quân tại hải cảng Hải Phòng sẽ phải bị bãi bỏ.

Vào lúc 21 giờ tối hôm 20 Tháng Mười Một, các máy bay trực thăng và máy bay vận tải C-130 chở các lực lượng giải cứu, và các máy bay hộ tống chúng bắt đầu rời Thái Lan đến Sơn Tây. Hơn một trăm máy bay chủ yếu cho công tác và yểm trợ hoạt động từ bảy căn cứ và ba hàng không mẫu hạm đã tham dự vào công tác. Để gây rối loạn địch quân, Hải Quân đã phóng ra một hoạt động đánh lạc hướng trên hải cảng Hải Phòng trong khi các máy bay đang bay tại hướng ngược lại đến Sơn Tây. Kế hoạch của Hải Quân đòi hỏi các máy bay từ ba hàng không mẫu hạm của Lực Lượng Đặc Nhiệm 77 thực hiện năm mươi chín phi vụ, trong đó chúng sẽ thả các hỏa châu bên trên hải cảng. Với quá nhiều hoạt động trên không phận của Bắc Việt, sẽ có một nhu cầu lớn lao về sự hỗ trợ của SIGINT.

Sự yểm trợ trên đất liền và trên không của SIGINT đã là một phần kết hợp của công tác Sơn Tây. Iron Horse (Ngựa Sắt), một hệ thống máy điện toán tự động hóa sự thu nhận và chuyển đổi các sự theo dõi bằng radar của Bắc Việt, là một thí dụ của sự yểm trợ trên đất liền. Trong suốt cuộc hành quân, các lực lượng đã phải bay ở các cao độ rất thấp để tránh sự phát hiện bởi các radar của Bắc Việt. Sự cần thiết của các đường bay ở độ thấp có nghĩa các radars Hoa Kỳ không thể theo dõi tiến độ của chúng. Vì thế, SIGINT sẽ là nguồn tin tức duy nhất để

duy trì sự giám sát tiến độ của cuộc hành quân cho vị chỉ huy trận đánh. Cách hay nhất để cung cấp tin tức về phản ứng và ý định phòng thủ thực sự của Bắc Việt trong suốt cuộc hành quân là việc sử dụng Combat Apple; Trái Táo Chiến Đấu.



Toán biệt kích đổ bộ trại giam Sơn Tây

Công tác là một phi vụ lâu dài về mặt thời gian. Tổng số thời gian công tác từ lúc phóng ra cho đến lúc thu quân vào khoảng năm tiếng rưỡi đồng hồ, với ba mươi phút ngưng bay khi các binh sĩ có mặt trên nền đất tại Bắc Việt. Đây là một thời khoảng gây lo ngại lớn lao cho mọi người can dự vào cuộc hành quân.⁸

Bởi vì SIGINT được cung ứng gần như cùng thời điểm tiến hành thực sự về tiến độ của công tác, một phòng hội nghị đã được thiết lập tại Ngũ Giác Đài cho BTMLQ và các đại diện cao cấp từ các binh chủng và cộng đồng tình báo để quan sát cuộc hành quân. Vào khoảng ba mươi hay bốn mươi phút sau khi khởi sự công tác, nhóm tuyển chọn tại Ngũ Giác Đài được cho hay về một sự báo động phi cơ MiG chống lại công tác đang được tiến hành. Zaslow phản đối rằng tin tức này là không chính xác. Điều được hay biết xuyên qua SIGINT rằng các phi

công MiG có thể bay đêm không có mặt trong khu vực. Vào lúc này, một nhân viên dân sự trẻ tuổi có nói với BTMLQ và các viên chức cao cấp khác rằng người của họ tại chỗ đã sai lầm.

Vào khoảng năm phút sau đó, họ hay biết rằng sự báo động đã được bãi bỏ. Như Zaslow đã giải thích, “Đó là năm phút lâu dài đối với tôi. Sự khả tín của SIGINT đối với quân đội đã gia tăng một cách đáng kể nhờ ở kinh nghiệm này”. Một sự cảnh cáo máy bay MiG đã được phát ra trong sự nhầm lẫn, và Combat Apple đã cải chính tin tức sai lạc này. 9

Các sự tiên đoán SIGINT khác về phản ứng của hệ thống phòng không Bắc Việt đối với sự xâm nhập này đều rất chính xác. Sự tuyển chọn các đường bay vào và ra khỏi Bắc Việt đã được chứng tỏ là tuyệt hảo. Sự tiên đoán rằng nếu máy bay Hoa Kỳ bay ở cao độ dưới 2,500 bộ Anh (feet), chúng có thể tránh được sự phát hiện bởi các radars của Trung Cộng và Bắc Việt, là chính xác. Lực lượng tấn công chính yếu không hề bị phát hiện trong khi xâm nhập hay rút ra. Thời gian phản ứng dành cho các hỏa tiễn địa-đối-không của Bắc Việt lâu hơn các sự ước định của SIGINT. SIGINT ước lượng là hai mươi bảy phút. Thời gian thực sự trôi qua từ lúc phát hiện ban đầu chiến đấu cơ bao trùm bởi các cơ sở radar của Bắc Việt cho đến hỏa tiễn đầu tiên được khai hỏa là ba mươi sáu phút và bốn mươi hai giây.

Nhắm vào các mục tiêu bên hướng đông và hướng tây của các phi trường chiến đấu cơ chính yếu của Bắc Việt đã tạo ra sự hoang mang lớn lao. Đã có một sự rối loạn hoàn toàn trong hệ thống chỉ huy và kiểm soát phòng không của Bắc Việt. Sự đánh lạc hướng trù hoạch bởi Hải Quân Hoa Kỳ rõ ràng có hiệu quả. 10 Các kế hoạch và sự thi hành gần như không có khuyết điểm. Song, khi các lực lượng tấn công đổ bộ trại giam Sơn Tây, các phòng giam trống rỗng. Sau một cuộc lục soát kỹ lưỡng nhà giam, các lực lượng đã bay về lại Thái Lan.

Vào những giờ tảng sáng hôm 21 Tháng Mười Một 1970, các POW Mỹ bị giam tại nhà tù Dan Hoi [?], chỉ cách trung tâm Hà Nội mười dặm về phía tây, bị đánh thức bởi tiếng súng nổ và các vụ nổ cách họ khoảng mười dặm về phía tây tại vùng phụ cận của thị trấn Sơn Tây. Một trong các điều trở trêu của Chiến Tranh Việt Nam rằng các tù binh tại Dan Hoi có nghe được tiếng đạn và các tiếng nổ của nỗ lực giải cứu tại Sơn Tây có nghĩa để giải cứu cho họ. Các POW đã được chuyển đến Dan Hoi [trong nguyên bản ghi sai là Dong Hoi (?), chú của người dịch] -- một trại giam gần Hà Nội hơn và với các tiện nghi tốt hơn -- hôm 14 Tháng Bảy, 1970 để tránh lụt lội từ sông Côn, gần nơi tọa lạc của trại giam Sơn Tây. 11 May mắn là đã không có sự tổn thất nhân mạng Mỹ trong cuộc đột kích. Nghịch lý rằng xuyên qua tình báo phía Mỹ biết quá nhiều, ngoại trừ việc không hay biết rằng trại giam trống rỗng.

Trong Tháng Tư 1970, các phi vụ chụp không ảnh trên trại giam được bay bởi máy bay SR-71 và các máy bay thám thính không người lái “Buffalo Hunter” đã xác định sự hiện diện của các POW. Tuy nhiên, trong bảy tháng kế tiếp, các phi vụ chụp không ảnh tiếp theo, hai mươi chuyến cho mỗi máy bay SR-71 và các máy bay không người lái trong vùng, đã cho thấy không có sự hiện diện của các POW. Các phi vụ chụp ảnh này không tìm thấy các lính gác hay bất kỳ hoạt động nào, chẳng hạn như lửa khói nấu ăn, các đội hình, hay các xe tiếp tế đi liền với hoạt động của nhà tù. Tuy nhiên, sự vắng bóng của bất kỳ hoạt động nào tại Sơn Tây xem ra không hề gây thắc mắc cho các nhà hoạch định công tác để đặt câu hỏi liệu các POW còn ở đó hay không.

Trong suốt bảy tháng hoạch định và huấn luyện bởi nhóm giải cứu trước cuộc đột kích, không người nào can dự đã cố gắng chứng thực rằng liệu các tù nhân chiến tranh vẫn còn ở đó hay không. Tại sao các nhân viên lại không đặt ra một câu hỏi căn bản như thế? Việc hoạch định và huấn luyện vẫn tiếp diễn, gần như thể công tác đã có một động lực của riêng nó bất kể những gì có thể thực sự là tình hình tại Sơn Tây. 12

An ninh chung quanh công tác Sơn Tây chắc chắn là cần thiết, nhưng đã có quá nhiều sự phân cách chẳng? Các phân tích viên ở cả tổng hành dinh của NSA lẫn tại các địa điểm tại chỗ là những kẻ đang nghiên cứu hệ thống phòng không Bắc Việt và tìm kiếm bằng chứng về sự hay biết trước không hề được nói cho biết bản chất đích thực của công tác cho đến khi nó được tiến hành. Phi hành đoàn từ Phi Đội An Ninh (Security Squadron: SS) 6990 bay các phi vụ của Combat Apple trong cuộc hành quân chỉ hay biết phạm vi thực sự của các nhiệm vụ của họ khi họ đang trên không. Làm sao các phân tích viên lại có thể tìm kiếm các tin tức nếu họ không biết về những gì họ đang tìm kiếm?

Điều không rõ ràng rằng các tin tức về vị trí các tù binh đã được cung ứng tại SIGINT. Các kết quả có thể khác biệt nếu các phân tích viên hay biết được mục đích đích thực công việc của họ. Nếu có ít sự phân cách hơn, có lẽ câu hỏi rằng liệu các tù binh vẫn còn ở Sơn Tây sẽ được nêu lên. Các phân tích viên phải luôn luôn hỏi các câu hỏi khó khăn.

Câu hỏi là liệu phía Bắc Việt có được báo hiệu về công tác Sơn Tây hay không đáng được khảo sát thêm. Tôi muốn phủ nhận hai sự tuyên bố về sự hay biết trước bởi phía Bắc Việt hàm ý đến từ các nguồn tin SIGINT. Sự tuyên bố đầu tiên xảy ra trong năm 1971 trong một bài viết trong số Tháng Một của tờ Human Events, một tạp chí chính trị. Bài viết, nhan đề “Bắc Việt Đã Được Thông Báo Về Cuộc Đột Kích Của Hoa Kỳ Vào Trại Giam POW?”, tuyên bố rằng Cơ Quan NSA có nghe trộm được một sự cảnh cáo từ Bắc Việt cho thấy sự hay biết trước về cuộc đột kích Sơn Tây. 13 Cơ Quan NSA có đưa ra một tường thuật từ Bắc Việt cảnh cáo về hoạt động của địch hôm 29 Tháng Mười, hai mươi một ngày trước chuyến công tác Sơn Tây. Tin điện, được truyền đi hôm 23

Tháng Mười, cảnh cáo về hoạt động của địch dọc theo Đường Mòn Hồ Chí Minh, trong suốt mùa khô. Không có sự đề cập nào đến Sơn Tây hay ngay cả các tù binh chiến tranh. Trung Đoàn Công Binh số 1 Bắc Việt, hoạt động tại Lào, đưa ra các chỉ thị cho các đơn vị phụ thuộc phải tăng cường an ninh dọc theo chiều dài của Đường Mòn Hồ Chí Minh. Các công nhân được nói cần cảnh giác “các kẻ lạ đáng nghi ngờ”. Họ cũng được chỉ thị “tăng cường sự nguy trạng bảo vệ của mình ...củng cố công sự và các địa điểm đóng quân ... và chuẩn bị nhiều vị trí lưu động để cất giấu xe cộ”. 14

Dại diện NSA tại Nhóm Đặc Nhiệm có hay biết về báo cáo ngày 29 Tháng Mười, nhưng đã không có lý do để bị hoảng sợ bởi nó. Phía Bắc Việt đang sử dụng Đường Mòn Hồ Chí Minh, từ Bắc Việt xuyên qua vùng cán chảo của Lào xuống Nam Việt Nam, để tiếp tế cho các binh sĩ của nó tại Nam Việt Nam từ 1959. Câu chuyện của tờ Human Events không có giá trị gì.

Mười hai năm sau trận đột kích Sơn Tây, tờ Washington Post có đăng tải một bài viết của Jack Anderson tuyên bố rằng các viên chức Ngũ Giác Đài có hay biết rằng trại giam bị bỏ trống nhưng vẫn cứ tiến hành cuộc đột kích bất luận ra sao. Theo bài viết ngày 12 Tháng Hai này, Ngũ Giác Đài đã tiến hành cuộc đột kích “để tạo ấn tượng nơi phía Bắc Việt về sự khả dĩ bị xâm kích của họ”. Nguồn tin của Anderson là hai cá nhân từ Phi Đội 6990 SS, các người tuyên bố rằng họ đã cảnh báo Cơ Quan NSA rằng trại giam trống không. Các người này tuyên bố rằng một tá máy bay vận tải Ilyushin đã chở các tù binh đi từ phi trường Sơn Tây. 15

Sự tuyên bố của Anderson thì không xác thực bởi vài lý do. Trước tiên, như đã đề cập trước đây, bởi có sự quan tâm an ninh, rất ít phân tích viên tình báo hay biết rằng cuộc đột kích sắp xảy ra. Chỉ có nhân viên giám sát công tác trên không và sĩ quan chỉ huy của Phi Đội 6990SS là hay biết về cuộc đột kích trước khi nó diễn ra. Thứ nhì, bởi trại giam Sơn Tây tọa lạc gần một phi trường, các chuyến bay của Ilyushin-18 trong khu vực không phải bất thường. Hơn nữa, tại sao phía Bắc Việt lại sử dụng các máy bay để chuyên chở các tù nhân trên một khoảng cách có mười dặm? Các tù binh chiến tranh POW đã được vận chuyển bằng các xe tải từ Sơn Tây trong Tháng Bảy, 1970, như một phần của một sự củng cố tổng quát các trại giam POW của Bắc Việt. 16

Điều nghịch lý của vụ đột kích Sơn Tây vẫn còn lại; tình báo Hoa Kỳ biết nhiều về các năng lực của địch, nhưng đã không chứng thực rằng các tù binh đã được di chuyển đến trại giam khác. Cuộc giải phẫu là một sự thành công, nhưng bệnh nhân đã tử trần./-

Bài viết này dựa trên các tài liệu được giải mật gần đây bởi Cơ Quan An Ninh Quốc Gia (National Security Agency). Các quan điểm là của tác giả và không nhất thiết phản ánh các quan điểm của Cơ Quan NSA hay Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ. Danh tính của một số cá nhân nào đó không thể được xác định cụ thể bởi còn được giữ bí mật.

CHÚ THÍCH

1. Leroy J. Manor, “Sơn Tây”, Air Operation Review, Tháng Mười Một 1971, 1-2.
2. James S. Olson và Randy Roberts, Where the Domino Fell: America and Vietnam 1945-1990 (New York, 1991), 217.
3. Cùng nơi dẫn trên, 220-30.
4. Leroy J. Manor, “JCS Joint Contingency Task Group Report on the Sơn Tây Prisoner of War Rescue Attempt Operation”, không ghi niên kỳ, 10-15, Center for Cryptologic History, NSA.
5. John E. Kennedy, “Cryptologic Support to the U.S. Operation to Extract American Prisoners of War From Sơn Tây North Vietnam”, 26 Tháng Mười Một, 1970, cùng nơi dẫn trên.
6. John R. Jameson, phỏng vấn với Rob Farley, 27 Tháng Năm, 1980, Oral History 1980-22, cùng nơi dẫn trên.
7. Cùng nơi dẫn trên.
8. Robert Hanyok, Spartans in Darkness: American SIGINT and the Indochina War (Fort Meade, MD.: Center for Cryptologic History, 2002), chương 5: “Xerxes’ Arrows: SIGINT Support to the Air War, 1964-1972”.
9. Milton Zaslow, phỏng vấn bởi Charles Baker, Guy Vanderpool, và Tom Johnson, 14 Tháng Chín, 1993, Oral History 1993-17, Center for Cryptologic History, NSA.
10. Kennedy, “Cryptologic Support”.
11. Benjamin F. Schemmer, The Raid (New York, 1976), 1-7.

12. Hanyok, Chương 6.

13. Paul Scott, “Were the North Vietnamese Informed About U.S. Raid on POW Camp?”, Human Events, 9 Tháng Một 1971.

14. “North Vietnamese NVA 1st Engineer Regiment Subordinate to Binh Trạm 217 Operating in Laos Gives Instruction, 12 Tháng Mười, 1970”, Center for Cryptologic History, NSA.

15. Jack Anderson, “Reports on Raid of POW Camp Ruffles Admiral”, Washington Post, 12 Tháng Hai, 1982.

16. Hanyok, Chương 6.

Nguồn: Sharon A. Maneki, *The Son Tay Raid: An Intelligence Paradox*, *The Journal of American-East Asian Relations*, Vol. 10, Nos. 3-4 (Fall-Winter 2001), các trang 211-219

<http://www.gio-o.com/NgoBac.html>

© gio-o.com 2017

<http://www.gio-o.com/NgoBac>